

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HM GROUP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HM GROUP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HM GROUP VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HM GROUP VIET NAM .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109276366

**3. Ngày thành lập:** 21/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P.23.07 Toà văn phòng C2 - D'Capitale Trần Duy Hưng 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; | 4932     |
| 2.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                          | 4690     |
| 3.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                   | 7320     |
| 4.  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>– Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Điều 30 Luật du lịch 2017)                                                                                                                     | 7912     |
| 5.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe du lịch; cho thuê xe tải.                                                                                                                                                  | 7710     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>( trừ đấu giá )                                                                                                                                                                      | 4610     |
| 7.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                      | 4791     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ vận tải hàng không)                                                                                                                                            | 5229     |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                            | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)                                                                                                                                                        | 7990        |
| 11. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310(Chính) |
| 12. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911        |
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết : Dịch vụ môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản (Điều 62; Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                          | 6820        |
| 14. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                | 5510        |
| 15. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VĂN HÙNG           | Khu 1, Xã Xuân Lộc, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    | 132041352                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG | Khu 18, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    | 030196001869                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 30.000     | 300.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                                 |                           |         |               |        |              |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ ĐÌNH HIẾU | Số 12 ngõ 162/1 Đường Khương Đình,, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 | 070097000098 |
|   |              |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                 | Tổng số                   | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 |              |
|   |              |                                                                                                 |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ĐÌNH HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/12/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 070097000098

Ngày cấp: 19/09/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 ngõ 162/1 Đường Khương Đình,, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12 ngõ 162/1 Đường Khương Đình,, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội